

<ul style="list-style-type: none"> - HS bốc thăm và đọc bài- trả lời câu hỏi ghi trên phiếu - GV đọc mẫu bài viết- HS nghe - 1 HS đọc lại bài, lớp đọc thầm - Nội dung của bài thơ nói gì? <p>* Luyện viết từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc HS viết bảng con - Nêu cách trình bày bài thơ? - GV đọc chính tả- HS viết bài vào vở, soát lỗi chính tả. - Thu chấm 1 số bài, nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài theo yêu cầu ghi trong phiếu 2. Chính tả (nghe- viết): - Trẻ em sống giữa thế giới của thiên nhiên, thế giới của chuyện cổ tích giữa tình yêu thương của cha mẹ. - lộng gió, lách rích, bông bế,... - HS viết chính tả, soát lỗi trong bài vừa viết
--	--

3. Củng cố - dặn dò:

a. Củng cố: - Nhắc lại nội dung bài
- Nhận xét tiết học.

b. Dặn dò: Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

SÁNG

Tiết 1. Tập đọc:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (Tiết 4)

I. Mục tiêu

- Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở tiết 1
- Nắm được một số từ ngữ thuộc 2 chủ điểm đã học (*Khám phá thế giới, Tình yêu cuộc sống*), bước đầu giải thích được nghĩa từ và đặt câu với từ ngữ thuộc 2 chủ điểm ôn tập.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Đọc trước bài ở nhà.

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra bài ở nhà.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu của tiết học - HS bốc thăm và đọc bài theo chỉ định ghi trên phiếu- trả lời câu hỏi - GV nhận xét, đánh giá 	<p>1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vương quốc vắng nụ cười - Ngắm trăng - Không đề - Con chim chiền chiện - Tiếng cười là liều thuốc bổ - Ăn “mầm đá” <p>2. Bài tập:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng cần cho chuyến du lịch </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> - va li, cần câu, quần áo, dụng cụ thể thao, đồ ăn, đồ uống,... </td> </tr> </table>	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng cần cho chuyến du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - va li, cần câu, quần áo, dụng cụ thể thao, đồ ăn, đồ uống,...
<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng cần cho chuyến du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - va li, cần câu, quần áo, dụng cụ thể thao, đồ ăn, đồ uống,... 		

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HS làm vào vở bài tập- đọc bài trước lớp - GV và HS lớp nhận xét, bổ sung - Nêu yêu cầu của bài - HS làm vào phiếu bài tập, các nhóm trình bày trước lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện giao thông - Tổ chức, nhân viên phục vụ du lịch - Địa điểm tham quan du lịch - Đồ dùng cần cho cuộc thám hiểm - Khó khăn nguy hiểm cần vượt qua - Những đức tính cần thiết của người tham gia... 	<ul style="list-style-type: none"> - tàu thủy, bến tàu, ô tô, máy bay, tàu điện, xe buýt, xe máy,... - khách sạn, hướng dẫn viên, nhà nghỉ, phòng nghỉ,... - phố cổ, bãi biển, công viên, thác nước, đền, chùa,... - la bàn, lều trại, quần áo, đồ ăn, nước uống, đèn pin, dao,... - bão, thú dữ, núi cao, vực sâu, tuyết, sóng thần,... - kiên trì, dũng cảm, can đảm, táo bạo, thông minh, sáng tạo, ưa mạo hiểm,... 	tàu sông bạo,
<p>* Bài 2 (163).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Va li: dụng cụ để đựng quần áo khi đi du lịch - Xích lô: phương tiện để chở hàng hoặc người - Hướng dẫn viên: Người hướng dẫn ở khu du lịch... - La bàn: dụng cụ để xác định phương hướng 			

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố :

- HS đọc lại nội dung bài tập 2
- Nhận xét giờ học.

b. Dặn dò :

- Học bài, làm bài vở bài tập, chuẩn bị bài sau: Ôn tập.

Tiết 2. Khoa học:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3. Toán:

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu

- Đọc được số , xác định được giá trị của chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số tự nhiên
- So sánh được 2 phân số.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập.
- Trò: Bảng con, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra bài tập ở nhà.

2. Bài mới:

- a. Giới thiệu bài:
- b. Nội dung bài:

- HS đọc yêu cầu của bài	* Bài 1 (177). 975 368: Chín trăm bảy mươi năm nghìn ba
--------------------------	--

- HS đọc số, nêu cách đọc	trăm sáu mươi tám. 6 020 975: Sáu triệu không trăm hai mươi nghìn chín trăm bảy mươi năm.
- Nhận xét cách đọc của HS	94 351 708: Chín mươi tư triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm linh tám.
- Nêu yêu cầu của bài	* Bài 2 (177).
- HS làm bảng lớp, bảng con	$24579 + 43867 = 68446$ $235 \times 325 = 76375$ $82604 - 35246 = 47358$ $101598 : 28 = 36285$
- HS đọc yêu cầu của bài	* Bài 3 (177).
- Nhận xét, chữa bài	$\frac{5}{7} < \frac{7}{9}$ $\frac{10}{15} = \frac{16}{24}$
- HS đọc đề, nêu tóm tắt	* Bài 4 (177). Giải
- Phân tích bài toán, nêu cách giải và giải bài tập	Chiều rộng thửa ruộng là: $120 \times 2 : 3 = 80$ (m)
- Nhận xét, chữa bài	Diện tích thửa ruộng là: $120 \times 80 = 9600$ (m ²) Thửa ruộng đó thu hoạch được là: $50 \times (9600 : 100) = 4800$ (kg) = 48 tạ Đáp số: 48 tạ

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nhắc lại các kiến thức vừa ôn.

b. Dặn dò:

- Làm bài tập vở bài tập. Xem trước bài sau: Luyện tập chung.

Tiết 4. Luyện từ và câu:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (Tiết 5)

I. Mục tiêu

- Nhận biết được câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến trong bài, tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn trong bài văn đã cho.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu học tập, bảng phụ
- Trò: Xem bài trước ở nhà.

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

- 1. Kiểm tra:** - Kể tên các kiểu câu đã học?

- 2. Bài mới:**

- Giới thiệu bài:
- Nội dung bài:

- GV nêu yêu cầu của tiết học	* Bài 1, 2 (165).
-------------------------------	-------------------

<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nội dung bài tập 1, 2 - Tìm câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến trong bài đọc trên? 	<ul style="list-style-type: none"> - Răng em đau, phải không? (câu hỏi) - Ôi, răng đau quá! (câu cảm) - Em về nhà đi! (câu khiến) - Thế là má sưng phồng lên. (câu kể) * Bài 3 (165).
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài - HS tự tìm trạng ngữ trong bài, nêu kết quả - HS tập đặt câu kể, hỏi, khiến? 	<ul style="list-style-type: none"> - Có một lần, trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm. (Trạng ngữ chỉ thời gian) - Ngồi trong lớp, tôi lấy lược đẩy đi đẩy lại cục giấy thấm trong mồm, thích thú về trò nghịch ngợm của mình. (trạng ngữ chỉ nơi chốn)

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nhận xét giờ học.

b. Dặn dò:

- Tiếp tục ôn luyện ở nhà, chuẩn bị thi kì II.

CHIỀU

Tiết 1 :Toán⁺

Tiết 2: Kỹ thuật:

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 3 :Tiếng việt⁺

Tiết 4: Hoạt động ngoài giờ lên lớp:

(Giáo viên chuyên dạy)

SÁNG

Tiết 1. Toán:

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu

- Viết được số
- Chuyển đổi được số đo khối lượng
- Tính được giá trị của biểu thức.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Bảng con

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra bài tập ở nhà.
2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài

<ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS trả lời miệng	<p>* Bài 1 (178). Viết số</p> <p>a, 365 847 b, 16 530 464 c, 105 072 009</p>
<ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS làm bảng con- Nhận xét kết quả	<p>* Bài 2 (178).</p> <p>a. 2 yến = 20 kg ; 2 yến 6 kg = 26 kg b. 5 tạ = 500 kg ; 5 tạ 75 kg = 575 kg 5 tạ = 50 yến ; 9 tạ 9 kg = 909 kg c. 1 tấn = 1000 kg ; 4 tấn = 4000 kg 1 tấn = 10 tạ ; 7000 kg = 7 tấn 3 tấn 90 kg = 3090 kg ; $\frac{3}{4}$ tấn = 750 kg</p>
<ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- HS làm bài trên phiếu- Đổi phiếu kiểm tra kết quả	<p>* Bài 3 (178).</p> $\frac{2}{5} + \frac{1}{2} + \frac{7}{10} = \frac{4}{10} + \frac{5}{10} + \frac{7}{10} = \frac{16}{10} = \frac{8}{5}$ $\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6} = \frac{32}{72} + \frac{99}{72} - \frac{60}{72} = \frac{71}{72}$
<ul style="list-style-type: none">- HS đọc bài toán– tóm tắt bài	<p>* Bài 4 (178).</p> <p>Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 = 7$ (phần) Số học sinh gái là: $35 : 7 \times 4 = 20$ (học sinh) Đáp số: 20 học sinh.</p>

3. Củng cố- dặn dò:

a. Củng cố:

- Nêu kiến thức vừa ôn tập.

b. Dặn dò:

- Ôn tập lại bài và chuẩn bị tiết tới thi học kì II.

Tiết 2. Luyện từ và câu:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (Tiết 6)

I. Mục tiêu

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở tiết 1
- Dựa vào đoạn văn nói về một cây cụ thể hoặc hiểu biết về một loài cây, viết được một đoạn văn tả cây cối rõ những đặc điểm nổi bật.

II. Đồ dùng chuẩn bị

- Thầy: Phiếu bài tập
- Trò: Bảng con, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy- học chủ yếu

1. Kiểm tra: - Kiểm tra đoạn văn viết ở nhà của HS.

2. Bài mới:

a. Giới thiệu bài:

b. Nội dung bài:

<ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu của tiết học- HS bốc thăm và đọc bài- Trả lời câu hỏi đoạn vừa đọc <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài- Đọc nội dung bài văn- quan sát tranh cây xương rồng sgk <ul style="list-style-type: none">- Gợi ý cho HS làm bài- HS trình bày trước lớp- Nhận xét, bổ sung	<p>1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vương quốc vắng nụ cười- Ngắm trăng; Không đề- Con chim chiền chiện- Tiếng cười là liều thuốc bổ- Ăn “mâm đá” <p>2. Viết đoạn văn tả cây xương rồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà em trồng rất nhiều cây xương rồng xung quanh vườn để làm hàng rào. Cây to bằng bắp chân của em, cao chừng một mét rưỡi đến hai mét. Toàn thân và cành có một lớp gai nhỏ và nhọn, lá ít và nhỏ. Vào mùa xuân xương rồng nở hoa, hoa mọc thành tán, màu vàng, quả nhỏ màu xanh.
---	---

3. Củng cố- dặn dò :

a. **Củng cố:** Nhận xét giờ học

b. **Dặn dò:** Chuẩn bị bài sau

Tiết 3: Địa lí

(Giáo viên chuyên dạy)

Tiết 4. Tập làm văn:

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

(Phòng ra đề)

SÁNG

Tiết 1. Thể dục:

Giáo viên chuyên dạy.

Tiết 2. Toán:

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

(Phòng ra đề)

Tiết 3. Lịch sử:

(Giáo viên chuyên dạy).

Tiết 4. Tập làm văn:

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

Tiết 5: Sinh hoạt lớp

SINH HOẠT TUẦN 35

I. Mục tiêu.

- Học sinh thấy được ưu nhược điểm trong tuần.
- Phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại.
- Kế hoạch công việc của tuần sau.

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Nội dung sinh hoạt

III. Nội dung sinh hoạt:

A. Nhận xét tuần 35:

1. Các môn học và hoạt động giáo dục:

- Các em đi học tương đối đều và đúng giờ quy định.
- Sách vở đồ dùng học tập của học sinh tương đối đầy đủ. Có nhiều em có ý thức tự giác học tập
 - Hiện tượng lười học vẫn còn diễn ra ở một số em.
 - Kỹ năng đọc, viết, tính toán của một số em còn chậm: Xế, Tú, Nhật.

2. Các năng lực:

- Đa số các em đã biết tự chuẩn bị đồ dùng học tập ở lớp, ở nhà; các việc theo yêu cầu của giáo viên, làm việc cá nhân, làm việc theo sự phân công của nhóm, lớp; bố trí thời gian học tập, sinh hoạt ở nhà; chấp hành nội quy lớp học; cố gắng tự hoàn thành công việc.
 - Kỹ năng giao tiếp một số em còn rụt rè, nhút nhát.

3. Các phẩm chất:

- Phần đa các em biết chăm học, chăm làm; thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của người học sinh.

4. Các hoạt động khác

- Có ý thức tham gia các hoạt động phong trào, thể dục đầu giờ và giữa giờ. Các em luôn có ý thức làm vệ sinh hàng ngày, giữ gìn trường lớp sạch đẹp, vệ sinh cá nhân sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng.
 - Vệ sinh cá nhân của một số em chưa đảm bảo.

